

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2010  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2010**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 -28

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội Đồng Quản trị:**

Ông Đỗ Văn Trác	Chủ tịch
Ông Trần Tùng Lâm	Thành viên
Ông Ngô Duy Du	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Đức	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Vũ Thường	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Tùng Lâm**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Số: 1937/2010/BCKT/IFC-ACAGroup -1

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long

Kính gửi: **Cô đồng, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 được lập ngày 20 tháng 08 năm 2010 từ các trang 5 đến 28 kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*Tuy nhiên công việc soát xét Báo cáo tài chính bị ảnh hưởng bởi các hạn chế sau:*

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty do Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY phát hành có ý kiến ngoại trừ về nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, một số khoản công nợ phải thu, phải trả, lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong phạm vi các tài liệu được cung cấp, chúng tôi cũng không thể xác nhận số dư đầu kỳ của các khoản mục trên cũng như xác định các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện trong giá trị tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 01/01/2010 và ảnh hưởng của nó đến số dư ngày 30/06/2010 khi lập báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến (Tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đối chiếu số dư công nợ tại ngày 30/06/2010 nhưng chưa đầy đủ, bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung chúng tôi vẫn không có cơ sở đầy đủ để khẳng định tính hợp lý của các số dư công nợ trả trước cho người bán với số tiền 4.072.849.480 đồng ( tương đương với 61% số dư), phải trả cho người bán với số tiền 4.726.458.070 đồng ( tương đương với 13% số dư), phải thu tạm ứng và ký quỹ với số tiền 858.372.257 đồng (tương đương với 37% số dư) và toàn bộ công nợ phải thu khác tại ngày 30/06/2010.

Bằng các tài liệu được cung cấp và các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không có đủ cơ sở về số dư hàng gửi bán tại ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long với giá trị: 999.837.159 đồng.

Giá trị thành phẩm tồn kho, hàng gửi đi bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 được đánh giá theo giá gốc, vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được. Theo chúng tôi, nếu hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được như yêu cầu của Chuẩn mực kế toán hàng tồn kho thì giá trị thành phẩm và hàng gửi bán phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 sẽ thấp hơn thực tế số tiền khoảng 1,3 tỷ đồng, thu nhập thuần và nguồn vốn chủ sở hữu sẽ bị giảm đi số tiền tương ứng.

Do hạn chế trong việc cung cấp tài liệu liên quan đến định mức chi phí sản xuất và thống kê tại phân xưởng nên chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá việc xác định giá thành sản phẩm của Công ty.

Công ty chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh vào phân xưởng cấp quang nên chúng tôi chưa có cơ sở xác định ảnh hưởng của các hợp đồng này đến việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Do quy trình và thủ tục đầu tư, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty chưa hoàn thiện nên chúng tôi không đủ cơ sở để nhận xét về chi phí xây dựng cơ bản, nguyên giá tài sản và khấu hao của dây chuyền sản xuất cáp điện và cáp viễn thông trong kỳ và tại ngày 30/06/2010.

### Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi tin rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác tại Việt Nam.



**Lê Xuân Thăng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính**  
Ngày 28 tháng 9 năm 2010

**Phạm Tiến Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010*

MẪU B 01-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>98.738.548.261</b>	<b>60.895.865.851</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>47.925.007</b>	<b>2.049.805.308</b>
1	Tiền	111	VI.01	47.925.007	2.049.805.308
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.751.535.262</b>	<b>17.804.462.123</b>
1	Phải thu khách hàng	131		38.494.626.390	9.673.160.110
2	Trả trước cho người bán	132		6.649.022.927	4.415.650.288
5	Các khoản phải thu khác	135	VI.02	3.678.885.945	3.715.651.725
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(71.000.000)	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.934.231.561</b>	<b>37.326.105.530</b>
1	Hàng tồn kho	141	VI.03	43.934.231.561	37.326.105.530
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.004.856.431</b>	<b>3.715.492.890</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		83.155.500	11.041.672
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.335.158.632	1.290.281.920
3	Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	VI.04	1.216.197.968	1.216.197.968
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		2.370.344.331	1.197.971.330
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>135.441.440.015</b>	<b>138.814.950.460</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>133.371.635.460</b>	<b>137.009.962.164</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.05	118.368.610.394	120.874.504.514
-	Nguyên giá	222		152.093.199.728	151.849.311.375
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.724.589.334)	(30.974.806.861)
3	Tài sản cố định vô hình	227	VI.06	10.405.420.314	10.520.667.959
-	Nguyên giá	228		11.138.269.345	11.138.269.345
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(732.849.031)	(617.601.386)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.07	4.597.604.752	5.614.789.691
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
3	Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000	10.000.000
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.059.804.555</b>	<b>1.794.988.296</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.08	2.059.804.555	1.794.988.296
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>234.179.988.276</b>	<b>199.710.816.311</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>93.463.023.223</b>	<b>46.222.112.614</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>73.778.417.223</b>	<b>26.537.506.614</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.09	30.465.042.252	11.280.498.251
2	Phải trả cho người bán	312		37.314.728.947	9.491.392.007
3	Người mua trả tiền trước	313		160.309.960	86.138.400
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.10	1.938.525.047	1.975.459.576
5	Phải trả người lao động	315		422.560.487	336.835.897
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.11	3.257.054.385	3.134.386.338
11.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		220.196.145	232.796.145
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.684.606.000</b>	<b>19.684.606.000</b>
3	Phải trả dài hạn khác	333	VI.12	18.572.264.000	18.572.264.000
4	Vay và nợ dài hạn	334	VI.13	1.112.342.000	1.112.342.000
<b>B.</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>140.716.965.053</b>	<b>153.488.703.697</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.14</b>	<b>140.716.965.053</b>	<b>153.488.703.697</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		11.718.534.049	11.718.534.049
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(62.001.568.996)	(49.229.830.352)
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>234.179.988.276</b>	<b>199.710.816.311</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
Ngoại tệ các loại + USD			1.289,95	1.296,55



Trần Tùng Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội,

Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thanh Đăng

Kê toán trưởng

Đào Huy Anh

Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
<b>1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VII.1</b>	<b>58.661.759.145</b>	<b>21.531.636.548</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>58.661.759.145</b>	<b>21.531.636.548</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	65.794.450.688	25.597.307.050
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(7.132.691.543)</b>	<b>(4.065.670.502)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		25.351.663	21.473.431
7. Chi phí tài chính	22	VII.3	2.252.764.139	781.270.835
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.138.195.559</i>	<i>777.077.635</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.269.254.145	1.210.629.976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.148.903.202	2.418.603.965
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(12.778.261.366)</b>	<b>(8.454.701.847)</b>
11. Thu nhập khác	31		365.000	215.000
12. Chi phí khác	32		3.842.278	1.806.741
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(3.477.278)</b>	<b>(1.591.741)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(12.781.738.644)</b>	<b>(8.456.293.588)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(12.781.738.644)</b>	<b>(8.456.293.588)</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(1.278)</b>	<b>(846)</b>



Trần Tùng Lâm  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội,  
Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thanh Đăng  
Kế toán trưởng

Đào Huy Anh  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MÃ SỐ B 03-DN/HN  
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(12.781.738.644)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.865.030.118
- Các khoản dự phòng	03	71.000.000
- Chi phí lãi vay	06	1.138.195.559
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(8.707.512.967)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(33.235.322.852)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.608.126.031)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.068.966.608
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(336.930.087)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.138.195.559)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(21.969.720.888)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	773.296.586
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>773.296.586</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.000.000
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.065.453.252
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.880.909.251)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>19.194.544.001</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.001.880.301)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.049.805.308</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>47.925.007</b>



Trần Tùng Lâm  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội,

Ngày 20 tháng 8 năm 2010

  
 Nguyễn Thanh Đăng  
 Kế toán trưởng

  
 Đào Huy Anh  
 Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN CHUNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0303000149 ngày 18/03/2004 và đã đăng ký thay đổi lần thứ bảy vào ngày 19/02/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 100.000.000.000 đồng chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông (Sacom) góp 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 15%, các cổ đông khác góp 85.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thôn La Dương, xã Dương Nội, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Văn phòng đại diện: Bưu cục Mỹ Đình 2 đường Nguyễn Cơ Thạch, Từ Liêm, Hà Nội.

**Công ty con:**

**Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long** (chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Cấp Thăng Long)

- Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 09002258604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hưng Yên cấp lần đầu ngày 29/01/2010.
- Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh các loại cáp và vật liệu điện dân dụng, viễn thông.
- Vốn điều lệ: 20.020.000.000 đ ( Hai mươi tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng).
- Vốn thực tế đến ngày 30/06/2010: 20.010.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,99%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: Công ty mẹ nắm giữ 99,99% quyền biểu quyết trực tiếp ở Công ty con.
- Địa chỉ Công ty con: Đường B1, Khu B, Khu Công Nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và công ty con là: sản xuất, kinh doanh thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông;
- Thiết kế vô tuyến điện: đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất giường tủ, bàn ghế bằng gỗ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃ SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)**

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ;
- Buôn bán thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc;
- Buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản và nguyên liệu ( trừ gỗ, tre, nứa);
- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận tải hàng hóa bằng phương tiện vận tải đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ cho thuê kho bãi).

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng), ký hiệu quốc tế là VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

**2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh tại đơn vị. Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu là áp dụng các chuẩn mực sau đây:

- Chuẩn mực kế toán số 08 - thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 21- Trình bày báo cáo tài chính;
- Chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào Công ty con;

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: nhật ký chung.

#### **IV. NGUYÊN TẮC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long (công ty con) do công ty mẹ kiểm soát. Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Công ty con sử dụng để hợp nhất Báo cáo tài chính được lập cho cùng kỳ kế toán năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo nguyên tắc kế toán và nguyên tắc đánh giá như Báo cáo tài chính của doanh nghiệp độc lập theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 - Trình bày báo cáo tài chính và quy định của các chuẩn mực kế toán khác.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở áp dụng chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự của Công ty mẹ và Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con.

Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập bằng cách cộng từng chỉ tiêu thuộc Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con sau đó thực hiện điều chỉnh cho các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con đang nằm trong giá trị hàng tồn kho, tài sản được loại trừ toàn bộ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị hàng tồn kho, tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong thu nhập của Công ty mẹ được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo quy định của chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày đầy đủ các chỉ tiêu theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán số 21 - Trình bày báo cáo tài chính và từng chuẩn mực kế toán liên quan.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **V. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán chủ yếu được doanh nghiệp áp dụng để lập báo cáo tài chính như sau:

##### **1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định về kế toán hiện hành tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: bao gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo quý.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính được thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc hàng tồn kho, theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho".

**4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong Bảng Cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể:

	<u>Số năm sử dụng</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10- 48
Máy móc thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị văn phòng	5 - 8

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và giá trị phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được trích hao trong 5 năm.



33  
G  
EM  
NVI  
CH  
AN

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính***Công ty con*

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được quy định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

*Công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính.

*Các khoản đầu tư chứng khoán*

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp theo giá gốc. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty con được lập trên cơ sở hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn: được ghi nhận theo giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc thì lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn. Việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ tài chính về việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đầu tư xây dựng, hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay".

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay (tiếp theo)**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, Công ty vốn hoá chi phí đi vay của hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 03/2008/NHNT.HN-CTL ngày 13/05/2008 và chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dây chuyền sản xuất cáp điện.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh liên quan đến nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Được ghi nhận khi các khoản chi phí thực tế chưa phải trả nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế trong quá trình hoạt động.

**Thặng dư vốn cổ phần:** được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu và phát hành bổ sung.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:** Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu, chi phí hoạt động tài chính, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư). Chênh lệch tỷ giá phát sinh đối với trường hợp vừa có hoạt động xây dựng cơ bản, vừa có hoạt động kinh doanh thì không ghi nhận chênh lệch tỷ giá mà hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc bán cáp đồng, cáp quang và một số nguyên liệu, phế liệu. Doanh thu được ghi nhận khi hàng hoá được giao cho khách hàng, đã có biên bản giao hàng hóa, đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Việc ghi nhận doanh thu bán hàng tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính có tuân thủ đầy đủ 02 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi không kỳ hạn được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở thông báo tính lãi hàng tháng của ngân hàng phù hợp với hợp đồng, kế ước vay; lãi phải trả do thanh toán chậm được ghi nhận theo biên bản đối chiếu số dư công nợ của khách hàng phù hợp với số ngày chậm trả và lãi suất chậm trả trên hợp đồng; lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện khi thanh toán các khoản công nợ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ.

Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh (không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính).

**13. Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc xác định và ghi nhận thuế TNDN được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 17 - Thuế TNDN và các quy định hiện hành.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%.

Công ty xác định thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra là 10% cho tất cả các mặt hàng kinh doanh. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo qui định hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Thôn La Dương, Xã Dương Nội

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	11.201.067	123.021.104
Tiền gửi ngân hàng	36.723.940	1.926.784.204
<b>Cộng</b>	<b>47.925.007</b>	<b>2.049.805.308</b>

**2. Các khoản phải thu khác**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu người lao động	40.679.368	40.679.368
Phải thu khác	3.638.206.577	3.674.972.357
- Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (*)	1.136.671.524	1.136.671.524
- Ban điều hành cũ	1.753.005.184	1.753.005.184
- Phải thu khác	748.529.869	785.295.649
<b>Cộng</b>	<b>3.678.885.945</b>	<b>3.715.651.725</b>

(\*): Lỗ của hợp đồng hợp tác kinh doanh phân xưởng ống nhựa mà Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú phải chịu từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của phân xưởng này năm 2008

**3. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	25.265.610.407	23.835.940.097
Công cụ, dụng cụ	382.504.578	361.224.415
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.478.978.378	7.034.178.609
Thành phẩm	6.246.271.504	3.992.362.676
Hàng hóa	64.583.964	47.435.050
Hàng gửi đi bán (*)	3.496.282.730	2.054.964.683
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>43.934.231.561</b>	<b>37.326.105.530</b>

Trong đó: Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm chậm luân chuyển trên 1 năm: 14.793.259.635 VND.

(\*): Phản ánh giá trị hàng hoá, thành phẩm đã giao đến chân công trình cho khách hàng nhưng chưa thực hiện thủ tục nghiệm thu.

**4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.216.197.968	1.216.197.968
<b>Cộng</b>	<b>1.216.197.968</b>	<b>1.216.197.968</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Thôn La Dương, xã Dương Nội

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	35.729.391.325	110.715.229.988	3.846.921.147	1.557.768.915	151.849.311.375
Số tăng trong kỳ	-	229.354.717	-	14.533.636	243.888.353
- Mua trong kỳ	-	193.142.925	-	14.533.636	207.676.561
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	36.211.792	-	-	36.211.792
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>35.729.391.325</b>	<b>110.944.584.705</b>	<b>3.846.921.147</b>	<b>1.572.302.551</b>	<b>152.093.199.728</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	1.859.198.841	27.526.473.138	1.296.892.568	292.242.314	30.974.806.861
- Khấu hao trong kỳ	415.628.010	2.098.858.273	192.317.238	42.978.952	2.749.782.473
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>2.274.826.851</b>	<b>29.625.331.411</b>	<b>1.489.209.806</b>	<b>335.221.266</b>	<b>33.724.589.334</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2010	33.870.192.484	83.188.756.850	2.550.028.579	1.265.526.601	120.874.504.514
Tại ngày 30/06/2010	33.454.564.474	81.319.253.294	2.357.711.341	1.237.081.285	118.368.610.394

Nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/06/2010 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.698.022.251 VND.

Nguyên giá tài sản cố định là máy móc, thiết bị dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại thương, chi nhánh Hà Nội là 41.348.451.068 VND, giá trị còn lại tính đến ngày 30/06/2010 là: 39.635.501.848 VND. Giá trị theo ngân hàng định giá tại thời điểm thế chấp là: 31.451.415.000 VND.

Ngoài ra, tính đến ngày 30/06/2010, Công ty còn giữ hộ Công ty Cổ phần Sam Phú một số máy móc, thiết bị với giá trị 4.467.062.290 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**Thôn La Dương, xã Dương Nội  
Quận Hà Đông, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm Kế toán VND	Cộng VND
<b>I. Nguyên giá của TSCĐVH</b>			
Số dư tại 01/01/2010	11.098.269.345	40.000.000	11.138.269.345
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	11.098.269.345	40.000.000	11.138.269.345
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại 01/01/2010	614.934.720	2.666.666	617.601.386
- Khấu hao trong kỳ	113.247.646	1.999.999	115.247.645
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	728.182.366	4.666.665	732.849.031
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐVH</b>			
Số dư tại 01/01/2010	10.483.334.625	37.333.334	10.520.667.959
Số dư tại 30/06/2010	10.370.086.979	35.333.335	10.405.420.314

Giá trị quyền sử dụng đất là lô đất với diện tích 30.000m<sup>2</sup> tại đường B1, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, thời hạn sử dụng đất là 50 năm. Hiện nay, lô đất này đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hà Nội với giá trị theo định giá của Ngân hàng là 12.204.720.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/07/NHNT.HN-TLC ngày 21/11/2007.

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.597.604.752	5.614.789.691
- Dây chuyền sản xuất cáp điện	4.597.604.752	5.614.789.691
<b>Cộng</b>	<b>4.597.604.752</b>	<b>5.614.789.691</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí công cụ dụng cụ có giá trị lớn	1.089.786.095	1.008.451.934
Chi phí thuê văn phòng	576.659.795	512.570.406
Chi phí hợp chuẩn, trưng bày, lấy mẫu sản phẩm	82.589.729	101.713.729
Chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí khác	310.768.936	172.252.227
<b>Cộng</b>	<b>2.059.804.555</b>	<b>1.794.988.296</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	28.240.358.252	5.255.939.449
- Vay VND ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a)	20.060.989.815	4.290.770.891
- Vay USD ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (b)	8.179.368.437	965.168.558
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.224.684.000	6.024.558.802
- Vay VND ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (c)	-	1.575.190.802
- Vay USD ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (d)	2.224.684.000	4.449.368.000
<b>Cộng</b>	<b>30.465.042.252</b>	<b>11.280.498.251</b>

(a),(b): Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần số 01/2010 ngày 06/01/2010 và số 02/2010 ngày 09/03/2010:

- ✓ Mục đích vay: mua vật tư sản xuất cáp quang, cáp đồng.
- ✓ Thời hạn vay: từ 6 đến 8 tháng.
- ✓ Lãi suất vay điều chỉnh từng thời kỳ theo thông báo của Ngân hàng trên từng giấy nhận nợ, tính bình quân 6 tháng đầu năm 2010 xấp xỉ 12%/năm đối với số tiền giải ngân bằng VND và 6% năm đối với số tiền giải ngân bằng USD.
- ✓ Tài sản bảo đảm: dây chuyền máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất gắn liền với kết cấu hạ tầng theo các hợp đồng thế chấp số 01/07/NHNT.HN ngày 21/11/2007, 01/08/NHNT.HN - TLC ngày 18/06/2008 và 02/08/NHNT.HN - TLC ngày 23/06/2008, với tổng giá trị tài sản theo định giá của Ngân hàng là 43.656.135.000VND.
- ✓ Số dư nợ vay bằng USD tại 30/06/2010 tương đương với 430.486,55 USD.

(c): Khoản vay dài hạn đến hạn trả năm 2010 theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 03/2008/NHNT.HN-CTL ngày 13/05/2008 với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất cáp điện và xây dựng nhà xưởng cho thuê.

(d): Khoản vay dài hạn đến hạn trả năm 2010 tương đương với 124.000 USD theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 01/2008/NHNT.HN - CTL ngày 22/08/2008.

- ✓ Mục đích vay: đầu tư dây chuyền sản xuất cáp sợi quang.
- ✓ Thời hạn vay: 36 tháng.
- ✓ Lãi suất vay: được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi USD kỳ hạn 12 tháng.
- ✓ Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất số A1004973 theo hợp đồng thế chấp số 01/07/NHNT.HN-CTL ngày 21/11/2007 và tài sản hình thành từ vốn vay của hợp đồng này theo hợp đồng thế chấp số 02/08/NHNT.HN-CTL ngày 23/06/2008.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.789.269.040	1.612.014.112
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	106.858.186	-
Thuế thu nhập cá nhân	42.397.821	62.987.168
Các loại thuế khác	-	300.458.296
<b>Cộng</b>	<b>1.938.525.047</b>	<b>1.975.459.576</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quyết định đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế phải nộp được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	23.908.207	99.667.152
Bảo hiểm xã hội	210.686.992	4.280.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.022.459.186	3.030.439.186
+ Phải trả cổ tức	3.002.982.836	3.010.962.836
+ Phải trả, phải nộp khác	19.476.350	19.476.350
<b>Cộng</b>	<b>3.257.054.385</b>	<b>3.134.386.338</b>

**12. Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Bao bì và dịch vụ Sam Thịnh	850.500.000	2.240.819.000
Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông	10.325.795.000	8.935.476.000
Công ty Cổ phần nhựa Sam Phú và cán bộ công nhân viên	1.119.089.000	1.119.089.000
Công ty Cổ phần vật liệu điện & viễn thông Sam Cường và cán bộ công nhân viên	2.240.680.000	2.240.680.000
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	4.036.200.000	4.036.200.000
<b>Cộng</b>	<b>18.572.264.000</b>	<b>18.572.264.000</b>

Đây là các khoản tiền nhận góp vốn đầu tư vào dây chuyền sản xuất cáp sợi quang. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và phụ lục hợp đồng thì tổng số vốn góp là 2.780.000 USD, trong đó vốn góp của Công ty CP Cấp Thăng Long là 30%. Theo biên bản thỏa thuận và hợp đồng góp vốn thì các bên sẽ được chia lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh của xưởng cáp quang theo tỷ lệ vốn góp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Thôn La Dương, xã Dương Nội

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***13. Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>a. Vay dài hạn</b>	<b>1.112.342.000</b>	<b>1.112.342.000</b>
- Vay USD ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	1.112.342.000	1.112.342.000
<b>b. Nợ dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.112.342.000</b>	<b>1.112.342.000</b>

(\*): khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 01/2008/NHNT.HN - CTL ngày 22/08/2008, phần đến hạn trả vào ngày 28/03/2011 tương đương với 62.000USD. Thông tin khác xem tại thuyết minh phần VI.9 - vay và nợ ngắn hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Thôn La Dương, xã Dương Nội

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. Vốn chủ sở hữu****14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>I. Số dư tại ngày 01/01/2009</b>	100.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(48.172.252.281)	154.546.281.768
- Lợi nhuận năm trước	-	-		(1.057.578.071)	(1.057.578.071)
<b>II. Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(49.229.830.352)</b>	<b>153.488.703.697</b>
- Lợi nhuận kỳ này	-	-		(12.781.738.644)	(12.781.738.644)
- Giảm lỗ lũy kế tương ứng phần lợi ích của cổ đông thiểu số khi các cổ đông góp vốn vào Cty con	-	-	-	10.000.000	10.000.000
<b>III. Số dư tại ngày 30/06/2010</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(62.001.568.996)</b>	<b>140.716.965.053</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**14.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	10.000.000	
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	100.010.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**14.4 Cổ phiếu**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán thành phẩm	42.470.749.940
Doanh thu bán nguyên, vật liệu	16.191.009.205
<b>Cộng</b>	<b>58.661.759.145</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	51.231.091.481
Giá vốn của nguyên, vật liệu đã bán	14.563.359.207
<b>Cộng</b>	<b>65.794.450.688</b>

**3. Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	1.138.195.559
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	627.795.745
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	486.772.835
<b>Cộng</b>	<b>2.252.764.139</b>

**4. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	50.681.514.020
Chi phí nhân công	2.710.456.344
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.606.341.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.692.718.991
Chi phí khác bằng tiền	1.232.532.767
<b>Cộng</b>	<b>58.923.563.588</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VIII. THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Theo thông báo số dư công nợ còn phải thu Công ty của Công ty Cổ phần Trường Phú, khoản lãi phạt do chậm trả Công ty còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Trường Phú là 10.489,61 USD; tuy nhiên Công ty không chấp nhận khoản lãi phạt này, đến thời điểm phát hành báo cáo này các bên vẫn chưa thống nhất vấn đề trên.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 11 tháng 08 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua đơn từ nhiệm của đa số thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát mới như sau:

**Hội Đồng Quản trị:**

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Trần Tùng Lâm	Thành viên
Ông Tetsuji Nagata	Thành viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Văn Quảng	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên

Cũng tại Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2010, thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược chủ yếu thuộc tập đoàn Alphanam và quỹ East Wing Asset Management Corporation (Nhật Bản) với mục đích bổ sung vốn lưu động. Cụ thể như sau:

Loại cổ phần phát hành	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/ cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành	3.900.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	39.000.000.000 đồng
Giá chào bán	10.000 đồng/ cổ phần

**3. Số liệu so sánh**

Số đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2010 là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY sau đó được điều chỉnh hồi tố cho các sai sót trọng yếu. Một số số liệu được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số kỳ này.

Kết quả kinh doanh từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2010 là số liệu trên báo cáo tài chính tóm tắt quý II/2009 được lập theo yêu cầu công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, số liệu này chưa được kiểm toán. Công ty không lập đầy đủ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009 nên không có số liệu so sánh đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2009.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**Thôn La Dương, xã Dương Nội  
Quận Hà Đông, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Các sai sót trọng yếu năm 2009 được điều chỉnh hồi tố vào số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính kỳ này:**

<b>Nội dung sai sót</b>	<b>Số tiền VND</b>
- Chưa hạch toán tiền nộp phạt thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp	149.022.024
- Chưa phân bổ chi phí trả trước dài hạn đối với các khoản chi phí phục vụ dự án tại Triều Tiên, chi phí khác.	475.573.817
- Chưa hạch toán chi phí đại hội cổ đông thường niên, chi phí kiểm toán năm 2009	110.000.000
- Chưa đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12/2009	595.262.000

**Các sai sót này làm cho Báo cáo tài chính năm 2009 bị ảnh hưởng như sau:**

<b>Chỉ tiêu trên Báo cáo</b>	<b>Ảnh hưởng của các sai sót VND</b>
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009</b>	
Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm	585.573.817
Chi phí khác giảm	149.022.024
Chi phí hoạt động tài chính giảm	595.262.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	1.329.857.841
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009</b>	
Các khoản thuế phải thu Nhà nước tăng (thuế TNDN nộp thừa)	113.313.953
Chi phí trả trước dài hạn tăng	475.573.817
Vay và nợ ngắn hạn giảm	451.607.920
Công nợ phải trả cho người bán giảm	110.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước giảm	35.708.071
Vay và nợ dài hạn giảm	143.654.080
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng	1.329.857.841

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Số liệu Báo cáo của các chỉ tiêu trên trước điều chỉnh và sau điều chỉnh:**

<b>Chỉ tiêu trên Báo cáo</b>	<b>Trước điều chỉnh VND</b>	<b>Sau điều chỉnh VND</b>
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.781.852.993	42.781.852.993
Giá vốn hàng bán	40.487.014.542	40.487.014.542
Doanh thu hoạt động tài chính	1.605.188.172	1.605.188.172
Chi phí hoạt động tài chính	629.382.036	1.224.644.036
Chi phí bán hàng	1.050.196.867	1.050.196.867
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.134.444.496	4.720.018.313
Thu nhập khác	2.257.877.399	2.257.877.399
Chi phí khác	71.600.853	220.622.877
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	272.279.770	(1.057.578.071)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	272.279.770	(1.057.578.071)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(106)
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009</b>		
Các khoản thuế phải thu Nhà nước	1.329.511.921	1.216.197.968
Chi phí trả trước dài hạn	2.270.562.113	1.794.988.296
Công nợ phải trả cho người bán	9.381.392.007	9.491.392.007
Vay và nợ ngắn hạn	10.828.890.331	11.280.498.251
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	1.939.751.505	1.975.459.576
Vay và nợ dài hạn	968.687.920	1.112.342.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(47.899.972.511)	(49.229.830.352)

**4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Mặc dù lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là tương đối lớn 62.001.568.996 đồng nhưng Ban Giám đốc Công ty đảm bảo khả năng hoạt động liên tục trong tương lai gần có thể dự đoán được (tối thiểu 1 năm) do đó các tài sản và nợ phải trả được ghi nhận dựa trên cơ sở Công ty có khả năng thực hiện giá trị các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện kinh doanh bình thường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Thôn La Dương, xã Dương Nội  
 Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010  
 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. Những thông tin khác**

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 về việc sáp nhập Công ty TNHH Cáp Thăng Long vào Công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long, thời điểm sáp nhập là 0h ngày 01/01/2010, Công ty đã thuê Công ty Luật Biển Bắc tư vấn về thủ tục pháp luật sáp nhập hai Công ty. Hiện nay Công ty đang thực hiện các bước chuyển đổi. Về số liệu sáp nhập cần phải đợi việc kiểm tra và quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Trong tháng 7, tháng 8 năm 2010, Công ty đang tạm ngừng sản xuất để chuyển toàn bộ dây chuyền thiết bị Nhà máy sản xuất Cáp đồng viễn thông tại Dương Nội, Hà Đông sang lắp đặt và sản xuất tại Nhà máy thuộc Khu công nghiệp Phố Nối A, Hưng Yên. Đối với nhà xưởng và Khu đất tại Dương Nội, Hà Đông, Công ty đang xây dựng phương án đầu tư và kinh doanh.



Trần Tùng Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội,

Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thanh Đăng

Kế toán trưởng

Đào Huy Anh

Người lập